TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2026
V/v"tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiếu và bà H'Loan.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Duy Cường - Thư ký Toà án nhân khu vực 6 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1986, CCD số 026086007906; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

Bị đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1986, CCD số 034186011876; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Xuân Q *trình bày:*

Anh Trần Xuân Q chung sống với chị Đinh Thị N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo quy định pháp luật vào ngày 14/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần Xuân Q yêu cầu được ly hôn với chị Đinh Thị N.

Về con chung: Anh Trần Xuân Q chung sống với chị Đinh Thị N có 01 người con chung là Trần Uy V, sinh ngày 14/07/2016. Nay anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: Anh Trần Xuân Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh N *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Trần Xuân Q có đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (nay phường B, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã về các vấn đề trong gia đình,

cuộc sống chung có lúc không vui vẻ, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Nay anh Q yêu cầu ly hôn với chị N thì chị N đồng ý.

Về con chung: Anh Trần Xuân Q và chị Đinh Thị N có 01 con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 14/7/2016. Nay chị N có nguyện vọng giao cháu Trần Uy V cho chị N nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu V đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân anh Q yêu cầu được ly hôn với chị N, về con chung anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến khi 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn chị N đồng ý ly hôn, đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung. Về con chung, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến khi 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân Q: Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Q ly hôn với chị Đinh Thị N. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 14/07/2016 cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Q và chị Đinh Thị N chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định vào 14/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng) trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Anh chị đều cho rằng quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn không còn tình cảm, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nay anh Trần Xuân Q yêu cầu ly hôn thì chị Đinh Thị N đồng ý. Nhận thấy đời sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Trần Xuân Q, chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị N.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Xuân Q và chị Đinh Thị N có 01 con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 14/07/2016. Anh Trần Xuân Q yêu cầu được giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chị Đinh Thị N cũng yêu cầu Tòa án giao cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Nhận thấy cả anh Q và chị N đều có yêu cầu giao con chung cho mình nuôi. Do đó, anh Q và chị N cần chứng minh về điều kiện kinh tế như thu nhập, nhà ở, các điều kiện về việc đưa đón chăm sóc sau khi ly hôn, chứng minh việc quan tâm chăm sóc con trong thời gian còn chung sống, mối quan hệ giữa cha mẹ với nhà trường trong thời gian chung sống, về nguyện vọng của con trên 07 tuổi để xem xét người nào đáp ứng điều kiện tốt nhất cho con thì sẽ được Tòa án quyết định.

Các chứng cứ để chứng minh anh Q và chị N cung cấp cho Tòa án như sau: Chị N được Sở y tế tỉnh Đ (cũ) tuyển dụng theo Quyết định số 258/QĐ-SYT ngày 30/3/2021 với trình độ chuyên môn là Đại học điều dưỡng và nơi công tác là Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ, nay là Bệnh viện đa khoa tỉnh L, có lương ổn định mức lương hiện tại chị được nhận là 10.000.000đồng, và có nhà ở được người anh trai cho mượn; quá trình công tác được lãnh đạo bệnh viện xác nhận là người có phẩm đạo đức tốt, ngoài ra chị N còn được Nhà trường nơi cháu V học tập xác nhận việc chị Q đưa đón quan tâm đến việc học tập của con, có sự liên hệ chặt chẽ với Nhà trường để giúp con phát triển tâm sinh lý một cách tốt nhất, cháu V có lời khai tại Tòa có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi ba mẹ con ly hôn.

Đối với anh Q, anh có lời khai là anh có công việc ổn định, hiện đang sống cùng nhà với mẹ ruột. Anh Q cung cấp chứng minh sĩ quan cấp trung tá do Tổng cục B cấp, anh không cung cấp bảng lương vì cho rằng đó là bí mật ngành nghề của anh, anh tự khai thu nhập trung bình là 33.976.800đ.

Quá trình xét hỏi tại Tòa, anh Q thừa nhận quá trình chăm sóc, nuôi con trước khi anh Q có đơn khởi kiện ly hôn như sau: Anh Q không thường xuyên đưa đón con và việc con học môn gì, học thầy cô nào, đều do chị N quyết định, việc con bệnh và cần chăm sóc thế nào vì chị N làm việc ở bệnh viện có chuyên môn nên chị N chăm sóc là chủ yếu. Nhưng theo anh vì lương của anh cao hơn nên anh muốn nuôi con để con hưởng tốt nhất sự chăm sóc. Chị N cam kết, dù lương thấp hơn anh Q nhưng chị có đủ điều kiện để nuôi con, những ngày chị trực ở Bệnh viện thì con vẫn ở cùng chị và chị cũng là người đưa đón con đi học mỗi ngày.

Xét thấy điều kiện chăm sóc con không chỉ dừng lại ở việc thu nhập cao hay thấp, chị N có thu nhập ổn định và con có nguyện vọng ở với chị N, nhà chị cũng đã mượn để có chỗ ở cho mẹ con. Chị đảm bảo việc chăm sóc đưa đón liên hệ với nhà trường trong suốt quá trình chăm sóc con từ bé đến nay. Trong khi anh Q chỉ chứng minh được anh có điều kiện thu nhập hàng tháng cao hơn chị N, chỉ là điều kiện cần có trong quá trình chăm sóc con trẻ, còn các yếu tố các để đảm bảo tốt nhất cho cháu V thì anh chưa đủ. Do đó, cần xác định chị N là người có trách nhiệm, có đủ điều kiện tốt để chăm sóc cháu V nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Trần Uy V sinh ngày 14/07/2016 cho chị Đinh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Xuân Q và chị Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Xuân Q và chị Thị N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xử lý.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Trần Xuân Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân Q.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Q ly hôn với chị Đinh Thị N.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 14/07/2016 cho chị Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Xuân Q và chị Đinh Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được quy định tại các điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Anh Trần Xuân Q phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011294 ngày 24/12/2025 tại Thi hành án dân sự, tỉnh Lâm Đồng (*Phòng thi hành án khu vực 6 – Lâm Đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Phòng thi hành án khu vực 6 – Lâm Đồng;
- UBND phường Bắc Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến